



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Năm báo cáo 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5500271984
- Vốn điều lệ: 362.547.540.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 362.547.540.000 đồng
- Địa chỉ: Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La;
- Số điện thoại: 0226.265095
- Số fax: 0226.265097
- Website: dientaybac.com.vn
- Email: taybac@need.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Ngày 16/6/2006 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) số 2403000107; Đăng ký lần đầu với vốn điều lệ là 170 tỷ đồng.
 - Ngày 24/12/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp GCNĐKKD số 2403000107; Đăng ký thay đổi lần thứ 02 với vốn điều lệ là 188 tỷ đồng.
 - Ngày 27/11/2009 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp GCNĐKKD và Đăng ký thuế số 5500271984; Đăng ký thay đổi lần thứ 06 với vốn điều lệ là 245 tỷ đồng.
 - Ngày 26/02/2010 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp GCNĐKKD và Đăng ký thuế số 5500271984; Đăng ký thay đổi lần thứ 07 với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng.
 - Ngày 27/09/2010 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp GCNĐKKD và Đăng ký thuế số 5500271984; Đăng ký thay đổi lần thứ 9 (Đăng ký lần thứ 1 tại Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội, lí do: chuyển trụ sở Công ty) với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng.
 - Ngày 16/10/2013; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp GCNĐKKD và Đăng ký thuế số 5500271984; Đăng ký thay đổi lần thứ 10 (lí do: Thay đổi người đại diện theo Pháp luật của Công ty).
 - Ngày 04/04/2014; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp GCNĐKKD và Đăng ký thuế số 5500271984; Đăng ký thay đổi lần thứ 11, (lí do: chuyển trụ sở Công ty).
- Các sự kiện khác:





- Tháng 10/2009 Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 phát điện hòa vào lưới điện Quốc gia.
- Tháng 4/2010 Nhà máy thủy điện Nậm Công phát điện hòa vào lưới điện Quốc gia.
- Tháng 5/2010 Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi phát điện hòa vào lưới điện Quốc gia.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng khác
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện
- Tư vấn, xây lắp các công trình điện
- Xây dựng kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê
- Kinh doanh bất động sản; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị.
- Kinh doanh thiết bị xây dựng.

– Địa bàn kinh doanh:

- Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 thuộc xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.
- Nhà máy thủy điện Nậm Công và Nậm Sỏi thuộc xã Huổi Một và Mường Cai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban giám đốc điều hành

– Cơ cấu bộ máy quản lý

- Phòng Tổ chức Hành chính
- Phòng Kinh tế - Kỹ thuật
- Phòng Tài chính Kế toán
- Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2



- Nhà máy thủy điện Nậm Công và Nậm Sỏi
- Trung tâm sửa chữa nhà máy thủy điện Tây Bắc
- Các công ty con:
 - Công ty TNHH một thành viên XL& KTVLXD Tây Bắc thành lập ngày 09/03/2009; Đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp GCNĐKKD và Đăng ký thuế số 5500350315 với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng trên cơ sở nâng cấp mô hình tổ chức hoạt động của Xí nghiệp XL& KTVLXD của Công ty, chủ yếu để thi công dự án thủy điện Nậm Công và Nậm Sỏi. Đến ngày 23/7/2010 Hội đồng quản trị Công ty có văn bản số 20/2010/CT- HĐQT v/v: tạm dừng công tác SXKD của Công ty TNHH một thành viên XL& KTVLXD Tây Bắc để tập trung vào công tác thanh quyết toán, làm thủ tục giải thể.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
 - Tổ chức quản lý vận hành 3 dự án thủy điện: Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2, Nhà máy thủy điện Nậm Công và Nậm Sỏi phát điện đạt hiệu quả cao;
 - Chăm lo lợi ích của người lao động và bảo vệ quyền lợi của các cổ đông.
- Các mục tiêu:
 - Xây dựng thương hiệu của Công ty trở thành thương hiệu uy tín cao trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng.
 - Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm xây lắp, sản phẩm dịch vụ khác.
 - Tìm kiếm, xem xét đầu tư các dự án mới có hiệu quả kinh tế cao.
 - Tiếp tục làm việc với các ngân hàng và tổ chức tín dụng để vay vốn thêm cho các dự án, trả nợ nhà thầu, cơ cấu lại phần lãi và gốc cho phù hợp với tình hình hiện tại công ty;
 - Duy trì công tác quản lý và vận hành các nhà máy thủy điện tốt như hiện nay: Luôn sẵn sàng phát điện khi có nước, thường xuyên kiểm tra công tác vận hành an toàn, hạn chế tối đa các hư hỏng đột xuất, giữ mối quan hệ với tốt với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0), trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Bắc (A1) ...
 - Hình thành mô hình và phương thức quản lý hiệu quả, tiến đến áp dụng hệ thống mô hình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn, chuẩn bị niêm yết trên thị trường chứng khoán.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm 2013, 2014



Đvt: triệu đồng

Mã Số	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
I	TỔNG DOANH THU	170.201	168.236	
	1. Doanh thu bán điện	170.064	168.236	
	2. Doanh thu hoạt động tài chính	136	90	
	3. Thu nhập khác	1	213	
II	TỔNG CHI PHÍ	189.158	191.149	
	1. Giá vốn hàng bán	66.217	78.951	
	2. Lãi vay	101.618	89.588	
	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.239	18.746	
	4. Chi phí bán hàng	2.367	1.659	
	5. Chi phí khác	2.717	2.205	
III	LỢI NHUẬN	(18.956)	(22.609)	
IV	TỔNG TÀI SẢN	1.173.926	1.141.631	
	1. Tài sản ngắn hạn	52.374	53.734	
	2. Tài sản dài hạn	1.121.552	1.087.897	
	- Tài sản cố định	1.117.780	1.075.339	
V	TỔNG NGUỒN VỐN	1.173.926	1.141.631	
	1. Nợ phải trả	1.072.204	1.071.018	
	- Nợ ngắn hạn	285.871	301.870	
	- Nợ dài hạn	786.332	769.148	
	2. Vốn chủ sở hữu	101.722	70.613	
	- Vốn chủ sở hữu	371.048	362.548	
	- Lợi nhuận chưa phân phối	(269.331)	(291.940)	
VI	NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	18.500	21.454	

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

- Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Văn Ngọc** Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/05/1977

Nơi sinh: Thụy Chính, Thái Thụy, Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thụy Chính, Thái Thụy, Thái Bình

Thường trú: Xóm 1, Thụy Chính, Thái Thụy, Thái Bình.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Tháng 09/2001 đến tháng 02/2005: Công tác tại Công ty Công trình giao thông 208 thuộc Tổng Công ty Công trình giao thông 4 – CIENCO4;



- Tháng 03/2005 đến tháng 06/2006: Công tác tại Công ty Lắp máy điện nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - LICOGI;
- Tháng 07/2006 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc (ngày 27/08/2013 Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng giám đốc điều hành Công ty; Đến tháng 10/2014, HĐQT bổ nhiệm và ĐHCĐ phê duyệt chức danh Tổng Giám đốc Công ty).

– **Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên: **Trương Việt Hà** Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/07/1979

Nơi sinh: Thị trấn Thác Bà, Yên Bình, Yên Bái

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội

Thường trú: P1002 CT3B Khu đô thị Văn Quán, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

- Tháng 08/2002 đến tháng 03/2004: Nhân viên ban Kỹ thuật - Cơ giới, Xí nghiệp Sông Đà 11.3, Công ty Sông Đà 11;
- Tháng 05/2004 đến tháng 11/2006: Trưởng ban ban Kỹ thuật - Cơ giới, Xí nghiệp Sông Đà 11.1, Công ty Sông Đà 11;
- Tháng 12/2006 đến tháng 12/2006: Phó phòng Kỹ thuật, Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Tây Bắc;
- Tháng 01/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Tây Bắc.

– **Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên: **Bùi Công Sáu** Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/08/1962

Nơi sinh: xã Viết Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: xã Viết Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Thường trú: xã Viết Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

Quá trình công tác:



- Tháng 3/1985 đến tháng 6/1987: Cán bộ Phòng Kỹ thuật Công ty Xây dựng Công trình Ngầm;
- Tháng 7/1987 đến tháng 12/1989: Cán bộ Công nghệ Khoan phun- Xí nghiệp Khoan phun- Công ty Xây dựng Công trình Ngầm;
- Tháng 1/1990 đến tháng 9/1992: Chủ công trình xây dựng hồ Mu Công, Đà Bắc, Hòa Bình- Xí nghiệp- Công ty Xây dựng Công trình Ngầm;
- Tháng 10/1992 đến tháng 3/1992: Cán bộ kỹ thuật Xây dựng sân vận động Hà Nội- Xí nghiệp Xử lí Nền móng và Công trình ngầm- Công ty Xây dựng công trình Ngầm;
- Tháng 4/1993 đến tháng 3/1994: Chủ công trình xây dựng tượng đài Bác Hồ nhà máy thủy điện Hòa Bình- Công ty Xây dựng Công trình Ngầm;
- Tháng 4/1994 đến tháng 3/1998: Trưởng ban KTKH- Chủ công trình mỏ đá Trung Màu- Công ty Xây dựng Công trình Ngầm;
- Tháng 4/1998 đến tháng 8/2003: Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 14.1- Công ty Xây dựng Sông Đà 14;
- Tháng 9/2003 đến tháng 12/2006: Trưởng ban KTKH Xí nghiệp Sông Đà 1.05- Công ty TNHH Sông Đà 1;
- Tháng 1/2007 đến tháng 2/2007: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 1.05- Công ty TNHH Sông Đà 1;
- Tháng 2/2007 đến tháng 12/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.

– Kế toán trưởng

Họ và tên: **Nguyễn Sỹ Hưng**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/09/1982

Nơi sinh: Trung Tiến – Phù Việt – Thạch Hà – Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Trung Tiến – Phù Việt – Thạch Hà – Hà Tĩnh

Thường trú: Số nhà 142 A2, Khu TT Học Viện Tài Chính, Tổ 10, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Năm 2002 đến 2008: Nhân viên Ban Quản Lý Dự Án đô thị khu vực Hà Nội – Công ty CPĐT PT Đô thị và KCN Sông Đà.
- Năm 2008 đến 2009: Phó Ban Tổ chức hành chính Ban Quản Lý Dự Án đô thị khu vực Hà Nội – Công ty CPĐT PT Đô thị và KCN Sông Đà.



- Năm 2009 đến 2010: Phó Ban Tài chính kế toán Ban Quản Lý Dự Án đô thị khu vực Hà Nội – Công ty CPĐT PT Đô thị và KCN Sông Đà.
- Từ năm 2010 đến 2013: Trưởng Ban Tài chính kế toán Ban Quản Lý Dự Án đô thị khu vực Hà Nội – Công ty CPĐT PT Đô thị và KCN Sông Đà.
- Tháng 10/2013 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.

b) Những thay đổi trong ban điều hành:

- Tháng 04/2014, Hội đồng quản trị đã thôi nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với ông Vũ Trọng Vinh;
- Tháng 09/2014, Hội đồng quản trị đã thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm chức vụ trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Bá Tuyên;
- Tháng 10/2014, Đại hội đồng cổ đông đã thôi nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với ông Tony Cau Fong Hsun;
- Tháng 10/2014, Đại hội đồng cổ đông đã bổ nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với ông Trần Tuấn Anh;
- Tháng 10/2014, Đại hội đồng cổ đông đã bổ nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với ông Nguyễn Sỹ Hưng;
- Tháng 10/2014, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Ngọc;

c) Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

– Số lượng tính đến 31/12/2014 có: 114 CB - CNV

– Chính sách đối với người lao động

- Có chính sách trả lương hợp lý gắn liền với trình độ, năng lực và mức độ hoàn thành đối với công việc được giao. Quy chế trả lương của Công ty đã khuyến khích CBCNV lao động nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc.
- Tạo mọi điều kiện để các tổ chức đoàn thể trong Công ty hoạt động nhằm nâng cao đời sống tinh thần của CBCNV.
- Công ty đã tổ chức tốt nơi ăn, ở cho CBCNV tại 03 nhà máy thủy điện trực thuộc đảm bảo sạch sẽ thuận lợi cho sinh hoạt cũng như làm việc.
- Công ty luôn quan tâm đến các quyền lợi khác của người lao động như: BHXH, BHYT, BHTN, khám chữa bệnh thường xuyên, định kỳ, cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: trong năm 2014 công ty không đầu tư thêm dự án.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Đang làm thủ tục giải thể Công ty TNHH một thành viên XL& KTVLXD Tây Bắc;



4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.173.926	1.141.631	(2,75%)
Doanh thu thuần	170.064	168.236	(1,07%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(16.240)	(20.617)	(26,95%)
Lợi nhuận khác	(2.716)	(1.992)	26,66%
Lợi nhuận trước thuế	(18.956)	(22.609)	(19,27%)
Lợi nhuận sau thuế	(18.956)	(22.609)	(19,27%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(511)	(624)	(22,11%)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,183	0,178	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,181	0,175	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,913	0,938	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	10,540	15,167	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	91,941	81,730	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,145	0,147	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,111)	(0,134)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,186)	(0,320)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,016)	(0,019)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,095)	(0,122)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tính đến ngày 31/12/2014, tổng số cổ đông: 916 cổ đông

Trong đó:

- 14 cổ đông pháp nhân sở hữu: 47,94% VDL
- 902 cổ đông thể nhân sở hữu: 52,06% VDL



	chữa công trình ngoài)				
II	Chi phí SXKD	10 ⁶ đồng	215.534	207.635	
III	Lợi nhuận	10⁶ đồng	(17.388)	(22.609)	

2. Công tác quản lý năm 2014:

- Hàng tháng, hàng quý đều xây dựng kế hoạch SXKD sát thực trên cơ sở thiết kế và điều kiện thực tế của các nhà máy, bám sát kế hoạch để tổ chức thực hiện, quản lý tốt chi phí sản xuất.
- Quản lý vận hành nhà máy: vận hành khoa học, tự làm chủ được công nghệ nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Công tác bảo dưỡng bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị, phụ tùng được thực hiện thường xuyên nhanh chóng và chính xác; bố trí thời gian hợp lý không ảnh hưởng đến hiệu quả phát điện của các nhà máy.
- Công tác duy tu, sửa chữa nhỏ, gia cố kênh... được thực hiện thường xuyên.

2.1 Công tác quản lý Kinh tế tài chính

- Đàm phán với các ngân hàng tài trợ vốn để giảm lãi suất: BIDV từ 11%/năm xuống còn 10,6%/năm, ABBank từ 13%/năm xuống còn 11,5%/năm.
- Phối hợp với Ngân hàng đầu mối mua lại nợ của Ngân hàng Quân đội (MB) để thuận lợi trong công tác đàm phán giảm lãi suất, cơ cấu nợ.
- Hoàn thành công tác đàm phán giá điện của Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 (tăng lên 178,41 đồng/Kwh).
- Chi phí sản xuất: Giảm thiểu các khoản chi phí mua ngoài, các công tác sửa chữa, xử lý kênh, lòng hồ, bảo trì bảo dưỡng thay thế thiết bị đều do cán bộ, công nhân Công ty thực hiện.
- Tiết kiệm chi phí quản lý: giảm phương tiện đi lại, chi phí văn phòng, điện tự dùng.

2.2 Công tác quản lý tổ chức lao động

Rà soát, sắp xếp tổ chức lại nhân sự của Công ty, bố trí phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của từng vị trí, đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành nhà máy, đạt hiệu quả cao.

2.3 Một số công tác khác

- Luôn nắm chắc số lượng cũng như các thay đổi thông tin để hoàn chỉnh các thủ tục cho các cổ đông của Công ty.
- Đảm bảo việc xả nước cho nông nghiệp phù hợp với quy trình của địa phương theo từng vụ mùa.

3. Đánh giá năm 2014

- Luôn có các biện pháp kịp thời để giải quyết các sự cố trong quá trình vận hành của các Nhà máy.
- Công tác kinh tế, tài chính cũng đã tập trung giải quyết được một số vấn đề: Đàm phán với Ngân hàng để giảm lãi suất, thống nhất giãn thời gian trả nợ gốc và lãi,



trả nợ các Nhà thầu thi công trong điều kiện có thể phù hợp với điều kiện kinh tế của Công ty.

- Hoàn thành công tác đàm phán với EVN tăng giá bán điện của Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

4.1 Nhiệm vụ năm 2015

Sản xuất kinh doanh điện năng:

- Sản xuất điện năng: **190 triệu KWH**, trong đó:
 - Nhà máy Nậm Chiến 2: **124,3 triệu KWh**.
 - Nhà máy Nậm Công & Nậm Sỏi: **65,7 triệu KWh**.
- Doanh thu từ sản xuất điện năng dự kiến đạt **178,196 tỷ đồng**:
 - Nhà máy Nậm Chiến 2: **102,618 tỷ đồng**.
 - Nhà máy Nậm Công & Nậm Sỏi: **75,578 tỷ đồng**.

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính KHSXKD năm 2015

TT	Nội dung	ĐVT	KH năm 2015	Ghi chú
A	Kế hoạch SXKD			
1	Sản lượng điện năng	10 ⁶ KWh	190	
2	Doanh thu thuần	10 ⁶ đồng	178.196	
II	Chi phí SXKD	10 ⁶ đồng	189.938	
III	Lợi nhuận từ SXKD điện năng	10 ⁶ đồng	(11.742)	
IV	Lợi nhuận đầu tư công ty con	10 ⁶ đồng	700	
V	Lợi nhuận (III + IV)	10 ⁶ đồng	(11.042)	

4.2 Một số biện pháp thực hiện kế hoạch

- Tiếp tục làm việc với Ngân hàng để cơ cấu trả nợ phân lãi và gốc; giảm lãi vay; vay thêm vốn phù hợp tỷ lệ thỏa thuận đầu tư 30/70 để thanh toán cho các nhà thầu xây dựng dự án.
- Hoàn thiện hệ thống Scada các Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 và tham gia thị trường điện cạnh tranh.
- Làm việc với Tổng công ty điện lực miền bắc để thay đổi phương thức phát điện của Nhà máy thủy điện Nậm Công và Nậm Sỏi để đổi số giờ cao điểm từ 5 giờ lên 10 giờ trong ngày.
- Mở rộng sản xuất kinh doanh với mục đích mang lại lợi ích cho các cổ đông của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác quản lý vận hành đảm bảo phát điện phát huy tối đa công suất thiết kế.



- Phối hợp với các đơn vị bậc trên, các cơ quan quản lý điều độ hệ thống điện (A0, A1, B17..) để phát huy tối đa công suất khi có nước.
- Thường xuyên kiểm tra bảo trì bảo dưỡng máy móc, hạn chế hư hỏng đột xuất của Nhà máy.
- Quan hệ tốt với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- rà soát, tổ chức sắp xếp lại bộ máy tổ chức, đào tạo nâng cao trình độ năng lực để quản lý vận hành các Nhà máy thủy điện.
- Thực hành tiết kiệm chi phí quản lý vận hành Nhà máy, điện tự dùng, điện công sở, phương tiện đi lại ...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Công tác quản lý và chỉ đạo SXKD năm 2014

- Sản xuất điện năng: thực hiện cả năm đạt 183,16 triệu KWh/202 triệu KWh, đạt 91% KH năm, trong đó:
 - Nhà máy Nậm Chiến 2: 121,03 triệu KWh/131 triệu KWh bằng 92% kế hoạch năm.
 - Nhà máy Nậm Công và Nậm Sỏi: 62,13 triệu KWh/71 triệu KWh bằng 93% kế hoạch năm.
- Doanh thu: Thực hiện cả năm đạt 185,026 tỷ/ 198,146 tỷ đồng, đạt 93% kế hoạch năm, trong đó:
 - Nhà máy Nậm Chiến 2: 112,963 tỷ/ 111,352 tỷ đồng bằng 101% kế hoạch năm.
 - Nhà máy Nậm Công và Nậm Sỏi: 71,724 tỷ/ 77,274 tỷ đồng bằng 93% kế hoạch năm.
 - Trung tâm sửa chữa các đơn vị ngoài: 0,339 tỷ đồng/1,0 tỷ đồng, đạt 34% kế hoạch năm.

2. Công tác quản lý và chỉ đạo của HĐQT

- Thực hiện Nghị quyết số 02/2014/NQ-ĐHCD ngày 26/05/2014 phiên họp Đại hội đồng cổ đông năm 2014 và Nghị quyết số 03/2014/NQ-ĐHCD về việc thôi nhiệm và bổ nhiệm một số chức danh quản lý của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung chỉ đạo một số vấn đề sau:
 - Công tác tài chính:
HĐQT đã thống nhất chọn đơn vị kiểm toán độc lập (AASC) để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014, từ đó có bức tranh tổng thể về những khó khăn và tồn tại về tài chính của Công ty; theo đó đơn vị kiểm toán đã đưa ra một số tồn tại tài chính và hướng xử lý.
 - Về công tác điều hành SXKD:
 - + Chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành làm việc với các Tổ chức tín dụng để giảm lãi suất, cơ cấu lại nợ, cụ thể: BIDV giảm lãi suất từ 11%/năm xuống

còn 10,6%/năm; ABBANK giảm lãi suất từ 13%/năm xuống còn 11,5%/năm. Phối hợp với Ngân hàng đầu mối mua lại nợ của Ngân hàng Quân đội (MB) để thuận lợi trong công tác đàm phán giảm lãi suất.

- + Chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành đàm phán tăng giá điện với cơ quan quản lý giá điện của Nhà nước. Giá điện của Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 tăng từ 670,52 đồng/Kwh lên 848,93 đồng/Kwh (tăng 26,6% tương đương 23,5 tỷ đồng/năm);
- + Chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành thành lập Tổ tham gia thị trường điện cạnh tranh để phát huy hiệu quả tối đa khi tham gia thị trường điện của Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2;
- + Chỉ đạo Ban Giám đốc trong công tác quản lý vận hành tốt các nhà máy thủy điện; phối hợp với Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 1 trong công tác vận hành sản xuất.

3. **Thực hiện các chủ trương chính sách của Nhà nước và các quy định của Doanh nghiệp**

Trong suốt các năm qua, Công ty đều được chỉ đạo thực hiện đúng các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Doanh nghiệp, đối với Người lao động. Tại các địa phương nơi có các nhà máy SXKD đều có sự phối hợp chặt chẽ thực hiện các quy định của Tỉnh, Huyện nhằm phục vụ tốt cho SXKD.

Đối với Luật Doanh nghiệp: Công ty đã thực hiện đúng các quy định đã được cụ thể hóa trong Điều lệ hoạt động của Công ty; phân định rõ chức năng của HĐQT, cơ quan điều hành; thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong công việc luôn có sự phối hợp chặt chẽ, đoàn kết tốt trong nội bộ Công ty; không có tiêu cực, tham nhũng.

V. **Quản trị công ty**

1. **Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Đại diện cổ đông
1	Ông Ngô Vĩnh Khương	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2013- 2018	2.720.000	7,50%	Công ty CP DTPT Đô thị và KCN Sông Đà
2	Ông Vũ Khắc Tiệp	Ủy viên HĐQT	4.530.000	12,49%	Công ty CP Sông Đà 5
3	Ông Vũ Văn Tính	Ủy viên HĐQT	4.480.000	11,67%	Công ty CP Sông Đà 10



Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Đại diện cổ đông
4	Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Ủy viên HĐQT	3.573.333	9,86%	TCT Điện lực dầu khí Việt Nam
5	Ông Trần Minh Châu	Ủy viên HĐQT	1.895.000	4,23%	DNTN xây dựng Hà Hùng
6	Ông Nguyễn Sỹ Hưng	Ủy viên HĐQT	830.000	2,31%	Cá nhân
7	Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên HĐQT	500.000	1,39%	Cá nhân

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

– Văn phòng Hội đồng quản trị, gồm 04 thành viên:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chánh văn phòng HĐQT
2	Ông Phạm Bá Tuyên	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Chuyên viên
4	Ông Phạm Hữu Soạn	Chuyên viên

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã đảm bảo các hoạt động định kỳ hàng quý theo quy định của Điều lệ. Các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo đúng các thủ tục, quy định trong Điều lệ.
- Việc lấy ý kiến Đại hội cổ đông, cùng các thành viên hội đồng quản trị bằng văn bản đều thực hiện đúng theo luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.
- Các Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị đều có tính pháp lý và đều được tổ chức thực hiện nghiêm túc. Các Nghị quyết đều có sự nhất trí cao.
- Các thành viên Hội đồng quản trị cũng như thành viên Ban kiểm soát đều có tinh thần trách nhiệm cao với công việc của mình. Đoàn kết nhất trí ở mọi công việc.
- Số buổi họp của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Ngô Vĩnh Khương	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2013- 2018	4/4	100%	



Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
2	Ông Vũ Khắc Tiệp	Ủy viên HĐQT	4/4	100%	01 phiên ủy quyền cho Ông Nguyễn Mạnh Toàn; 01 phiên ủy quyền cho Ông Vũ Văn Hòa
3	Ông Vũ Văn Tính	Ủy viên HĐQT	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Ủy viên HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Tony Cau Fong Hsun	Ủy viên HĐQT	3/3	100%	- 03 phiên ủy quyền cho Ông Trần Tuấn Anh. - HĐQT thống nhất đề ông Tony Cau Fong Hsun rút khỏi HĐQT Công ty theo thư từ nhiệm ngày 23/06/2014. ĐHĐCĐ đã thông qua tại nghị quyết số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ
6	Ông Trần Minh Châu	Ủy viên HĐQT	4/4	100%	
7	Ông Vũ Trọng Vinh	Ủy viên HĐQT	2/2	100%	HĐQT thống nhất đề Ông Vũ Trọng Vinh rút khỏi HĐQT Công ty theo nguyện vọng cá nhân từ ngày 18/04/2014. Ngày 26/05/2014, ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 đã thông qua.



Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
8	Ông Nguyễn Sỹ Hưng	Ủy viên HĐQT	-	-	Ông Nguyễn Sỹ Hưng được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT tại nghị quyết số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ
9	Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên HĐQT	-	-	Ông Trần Tuấn Anh được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT tại nghị quyết số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Ông Vũ Văn Hòa	Công ty CP Sông Đà 5	
2	Ông Trần Tuấn Anh	Quỹ VinaCapital	Ông Trần Tuấn Anh được ĐHĐCĐ cho thôi nhiệm thành viên Ban kiểm soát tại nghị quyết số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ
3	Ông Trần Đình Tú	Công ty CP Sông Đà 10	
4	Ông Nguyễn Thành Sơn		Ông Nguyễn Thành Sơn được ĐHĐCĐ bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát tại nghị quyết số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ các mặt hoạt động của Công ty theo trách nhiệm và quyền hạn quy định pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Căn cứ:

- Quyết định số 10/2009/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Công ty V/v: Mức lương của HĐQT và Ban kiểm soát của Công ty.



- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty ngày 23 tháng 05 năm 2012 V/v thông qua mức trả thù lao HĐQT và BKS năm 2012 của Công ty.
 - Quyết định số 56/QĐ-KHĐT ngày 28 tháng 05 năm 2012 của Tổng giám đốc Công ty V/v mức lương hưởng của CBCNV trong năm 2012.
 - Nghị quyết số 04A/2014/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 04 năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty V/v phê duyệt quy chế trả lương cho CBCNV Công ty.
- Thù lao ủy viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát là 8.000.000đ/1 tháng (tỷ lệ hoàn thành kế hoạch Hk=100%); Thù lao ủy viên ban kiểm soát là 5.000.000đ/1 tháng (tỷ lệ hoàn thành kế hoạch Hk=100%); Tiền lương của Tổng Giám đốc Công ty là 25.000.000đ/ 1 tháng (tỷ lệ hoàn thành kế hoạch Hk=100%).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Vũ Trọng Vinh	Ủy viên HĐQT	30.000	0,08%	10.000	0,03%	Đã bán 20.000 CP ngày 10/03/2014.
2	Vietnam Infrastructure Fortune Limited	Ủy viên HĐQT	4.400.000	12,14%	0	0%	Đã bán 4.400.000 CP ngày 04/07/2014
3	Trần Anh Dũng	Em ruột Ông Trần Minh Châu	1.895.000	5,11%	1.535.000	4,23%	Đã bán 260.000 CP ngày 30/09/2014 và 100.000 CP ngày 29/12/2014
4	Ngô Thị Thu Quyên	Vợ Ông Nguyễn Văn Ngọc	0	0%	17.500	0,05%	Đã mua 17.500 CP ngày 18/11/2014

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Công bố thông tin và nộp báo cáo theo đúng quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước

VI. Báo cáo tài chính đã kiểm toán (Chi tiết đính kèm)

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2014

Người đại diện theo Pháp Luật

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Văn Ngọc